

Bản án số: 24/2025/HS-PT  
Ngày 08-01-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 831/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn S cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\*Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn S. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1979 tại tỉnh Sóc Trăng; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A N, khóm F, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số A L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Số CCCD: 094079013542; Nghề nghiệp: Buôn bán cây kiểng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị N; V là Nguyễn Thị L1 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không

**\* Đặc điểm nhân thân của bị cáo:**

Từ nhỏ sống với gia đình tại Khóm F, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 05/5/1999, bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Sóc Trăng khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 21/6/1999, được đình chỉ điều tra bị can theo Quyết định đình chỉ điều tra số 17/QĐ.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 04/10/2023, tạm giam từ ngày 13/10/2023. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh T. (Có mặt)

2. Nguyễn Văn R; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/11/1989 tại tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Số CCCD:

093089008848; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn Ý và bà Trương Thị X; V là Trần Thị Diễm T (đã ly hôn) và có 01 con, đang sống chung như vợ chồng với Tống Thị Kim N1 sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

\* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 03/10/2023, tạm giam từ ngày 12/10/2023. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh T. *(Có mặt)*

3. Nguyễn Văn T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/10/1991 tại tỉnh Sóc Trăng; Số CCCD: 094091016614; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Tuyết M; V là Võ Thị T2 và có 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần: Ngày 01/6/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 02 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản* tại bản án số: 45/2023/HS-PT.

\* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện nay, bị cáo đang thi hành bản án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh T. *(Có mặt)*

4. Bùi Vĩnh C; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1989 tại tỉnh Hậu Giang; Số CCCD: 093089002674; Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Bùi Quốc V1 và bà Cao Thị Đ; V là Nguyễn Ngọc H và có 01 con; Tiền án: 01 lần: Ngày 15/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tuyên phạt 09 tháng, về tội *Trộm cắp tài sản* theo bản án số 25/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 23/4/2022. (Chưa xóa án tích)

Tiền sự: 01 lần: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính theo Quyết định số 26/XLHC ngày 06/7/2023 với số tiền 7.500.000 đồng về tội: Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ. Đã nộp phạt ngày 21/7/2023.

Ngày 25/8/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H ra Quyết định khởi tố bị can số 62 về tội: Giết người. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh H.

\* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang. *(Có mặt)*

5. Nguyễn Văn T3; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/9/1990 tại tỉnh Hậu Giang; Số CCCD: 093089002674; Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn

Văn L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ T4; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

\* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 04/10/2023, tạm giam từ ngày 13/10/2023. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh T. *(Có mặt)*

6. Nguyễn Ngọc L3; Tên gọi khác: K1, sinh ngày 03/07/1991 tại tỉnh Cà Mau; Số CCCD: 096191006688; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Số A L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo chưa có chồng, con (đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn S là bị cáo trong vụ án); Tiền án, tiền sự: Không.

\* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình tại ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 05/10/2023, tạm giam từ ngày 14/10/2023. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh T. *(Có mặt)*

\*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo S, L3: Luật sư Nguyễn Thị B – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

\*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo R, T1: Luật sư Nguyễn Trọng N2 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

\*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo C, T3: Luật sư Nguyễn Hồng N3 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

\*Bị hại:

1. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1958. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn N4, sinh năm 1969. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thái L4, sinh năm 1988. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tống Thị Kim N1, sinh năm 2003. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Thạch Ngọc T5, sinh năm 1991. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số C L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bùi Quốc V1, sinh năm 1966. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Văn S là người làm nghề mua bán cây kiểng. Do muốn có tiền tiêu xài nên S nảy sinh ý định tìm, trộm cắp các cây mai kiểng có giá trị cao để bán. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 9/2023, S cùng Nguyễn Ngọc L3, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3 thực hiện 02 vụ trộm cây mai kiểng trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào cuối tháng 5/2023, S rủ Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn R đi xem cây mai của ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1958, cư trú ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang để trộm bán lấy tiền tiêu xài, T1 và R đồng ý. Vào khoảng 10 giờ, ngày 04/6/2023, khi T1 liên hệ, thì S kêu T1 và R đi xuống Cái Tắc để S đón đi xem mai. T1 cùng R đến ngã ba C, đi vào quán nước giải khát cấp quốc lộ A, dưới chân cầu C gửi xe mô tô, ngồi uống nước chờ S. Khoảng 12 giờ cùng ngày, S điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ biển số 83A-107.86 chở Nguyễn Ngọc L3 ngồi ở hàng ghế trước cạnh S, đến đón T1 và R ngồi ở ghế sau, chạy theo hướng Quốc lộ A sang tỉnh Tiền Giang, rẽ trái vào đường nhựa đến chân cầu Ngã tư chùa ngay nhà của ông Nguyễn Văn H2 thì dừng xe lại. Lam ngồi trên xe, còn S, T1 và R xuống xe, giả vờ đi vệ sinh để S chỉ cây mai kiểng được trồng ở gần bàn thiên trước sân nhà ông H2 cho T1 và R biết để trộm. Sau khi xem cây mai kiểng, cả ba lên xe ô tô chạy trở về thành phố Cần Thơ, lúc này cả nhóm bàn bạc cách thức trộm và cất giấu cây mai, theo đó S hướng dẫn cắt các cành từ thân ra khoảng 01 gang tay, cắt ngọn cây mai từ gốc lên cao khoảng 1,5m để dễ vận chuyển, che giấu, đồng thời chỉ vị trí để cây mai trộm được ở đường dân sinh cấp đường cao tốc, điện thoại thông báo cho S biết để đến lấy, chở về; T1 và R đồng ý theo cách thức của S.

Sau khi được S chở về quán nước giải khát lấy xe, T1 và R đến quán nước cấp bờ sông thuộc thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang ngồi bàn bạc, thống nhất tối ngày hôm đó sẽ lấy trộm cây mai của ông H2. Rô điện thoại rủ thêm Bùi Vĩnh C và Nguyễn Văn T3, T3 và C đồng ý đi lấy trộm cây mai, nên cùng đến quán nước ngồi cùng T1 và R. Lúc này, T1 liên lạc với S để thống nhất việc trộm cây mai.

Khoảng 21 giờ, ngày 04/6/2023, C điều khiển xe Sirius đỏ đen (không nhớ biển số) chở T3, R điều khiển xe sirius màu đen biển số 65K1-0673 chở T1 chạy theo hướng tỉnh lộ 61C, rẽ trái vào Quốc lộ A, qua cầu M, rẽ vào đường đến nhà ông H2 01 đoạn thì R và T1 bị ngã xe, R bị trầy chảy máu ở mặt, T1 bị trầy chảy máu ở cánh tay, nên T3 qua chở R, C chở T1, tất cả chạy xe đến dừng trên cầu N quan sát. Khi thấy nhà ông H2 đóng cửa, đường vắng không người qua lại, T3 và T1 ở lại giữ xe, cảnh giới, còn R cầm túi vải màu trắng bên trong có kềm, dao, cưa sắt, xẻng nhỏ, cùng với C đi vào nhà ông H2. C và R dùng kềm cắt lưới B40 trước nhà của ông H2, R cầm dao, C cầm xẻng nhỏ đào đất, cắt rễ xung quanh, khi đến rễ giữa thì nghiêng cây mai qua một bên để R cắt rễ giữa. Rô và C cầm cưa sắt cắt các cành từ thân ra khoảng một gang tay và ngọn cây mai để từ gốc lên cao khoảng 1,5m, sau đó C và Ro khiêng cây mai ra chỗ lưới B40 đã cắt trước đó. T3 nắm phần thân trên của cây mai, R và C ôm phần gốc

đưa lên đường đal. Rô dắt chiếc xe Sirius màu đỏ đen đến, cả bốn khiêng cây mai đặt nằm ngang trên xe, R lấy dây ràng đem theo buộc chặt cây mai vào thân xe, rồi điều khiển xe chở cây mai chạy trước, C điều khiển xe sirius màu đen chở T1, T3 chạy theo sau. Rô chạy đường dưới cầu vượt cao tốc, rẽ trái vào đường dân sinh được khoảng 400m thì dừng lại. Cả bốn tháo dây ràng, khiêng cây mai đặt sát lề đường đúng như S đã hướng dẫn trước đó, T1 điện thoại cho S thông báo đã trộm được cây mai. Khoảng 20 phút sau, S điều khiển xe ô tô màu trắng biển số 83A-107.86 chở L3 chạy đến, S xuống xe mở cốp xe sau, L3 phụ xếp hai ghế sau lại để có khoảng trống đặt cây mai, S cầm thân trên cây mai, R, T1, T3, C ôm gốc mai khiêng để lên xe ô tô, Lam chỉnh cây mai đặt gọn gàng vào thân xe. S điều khiển xe ô tô chở L3 và cây mai vừa trộm được chạy về nhà trọ số 122/12 Lê Văn T6, khóm D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cất giấu.

Đến chiều ngày 05/6/2023, T1, R và C gặp S tại quán nước giải khát thuộc thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để nhận số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) tiền công lấy trộm cây mai của ông H2, C và T1 mỗi người được chia số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), T3 được chia số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), R giữ lại số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiêu xài cá nhân.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 15 giờ ngày 05/6/2023 tại nhà ông Nguyễn Văn H2 thuộc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang ghi nhận:

Cây mai bị mất được trồng ở phần đất trước nhà ông H2, phần đất đắp mô có đường kính 2,8 m, phần đất được đào có đường kính 1,45 m, độ sâu 27 cm. Từ tâm phần đất được đào kéo vuông góc đến hàng rào hướng đông là 14,8m và kéo vuông góc đến thềm nhà phía trước của ông H2 là 12,8 m. Mở rộng hiện trường theo hướng Đông hàng rào lưới B40 có dấu cắt rộng 0,9 m.

Kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG-TTHS ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định cây mai vàng thân xù, dáng long, chiều cao khoảng 04 m, chu vi gốc (bề hoành) 100 cm trị giá 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Biên bản khám xét lúc 15 giờ 30 phút ngày 03/10/2023 tại nhà số A L, khóm D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nơi ở của Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc L3) phát hiện từ cửa sau về hướng tây Bắc 2,2 m có một chậu bằng các khối bê tông chất chồng lên có đường kích thước (1,6 x 1,4 x 0,3) m bên trong có trồng 01 cây mai cao từ mặt chậu tính lên là 1,2 m. Đường kính sát mặt chậu 122 cm. Thân cây có nhiều điểm xù, trên thân cây có 15 mặt cắt.

Tiến hành cho bị hại là ông Nguyễn Văn H2 nhận dạng xác định đây là cây mai ông bị mất trộm vào ngày 05/6/2023. Nguyễn Ngọc L3 xác định đây là cây mai Nguyễn Văn S trộm tại huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/6/2023 đem về trồng tại đây. Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ, giao cho ông H2 bảo quản.

Kết quả trích xuất dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình đối với xe ô tô biển số 83A-107.86 (xe Nguyễn Văn S thuê, sử dụng) ghi nhận từ 13 giờ 47 phút ngày 04/6/2023 đến 15 giờ 13 phút ngày 04/6/2023; từ 23 giờ 47 phút ngày

04/6/2023 đến 01 giờ 35 phút ngày 05/6/2023 xe lưu thông trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Biên bản thực nghiệm điều tra lúc 08 giờ 20 phút ngày 14/11/2023, Nguyễn Ngọc L3 thực hiện lại hành vi ngồi trên xe ô tô, ghế cạnh tài xế xoay người về sau, dùng tay đè phần tựa lưng hàng ghế sau gập xuống. Sau khi cây mai đưa lên xe, L3 dùng tay giữ phần thân cây mai.

L3 xuống xe ô tô giúp S khiêng cây mai đem cất giấu.

Biên bản nhận dạng lúc 15 giờ 20 phút ngày 08/12/2023, Bùi Vĩnh C xác định được Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn R.

Biên bản nhận dạng lúc 08 giờ 10 phút ngày 15/12/2023, Nguyễn Văn R xác định được Nguyễn Văn S, Nguyễn Ngọc L3, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T1.

Biên bản nhận dạng lúc 10 giờ 35 phút ngày 21/12/2023, Nguyễn Ngọc L3 xác định được Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1.

Biên bản nhận dạng lúc 09 giờ ngày 29/12/2023, Nguyễn Văn T1 xác định được Nguyễn Ngọc L3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C.

Vụ thứ 2: Vào khoảng giữa tháng 9/2023, S điện thoại cho R kêu chạy xuống bến xe khách Sóc Trăng để cùng đi qua tỉnh Tiền Giang trộm cây mai, bán lấy tiền tiêu xài, R đồng ý nên điều khiển xe Exciter màu trắng đỏ biển số 95H1 - 298.64 đi gặp S, R chở S chạy qua cầu M, rẽ trái vào vườn mai ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn N4, sinh năm 1969, cư trú ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm chủ. S chỉ tay và nói với R “đếm hàng đầu từ ngoài hướng Quốc lộ A đi vào cây mai thứ 3 thì trộm”, sau đó cả hai chạy xe trở về hướng Sóc Trăng. Khi qua khỏi cầu C, S xuống đón xe khách về Sóc Trăng, đưa cho R số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) để mua công cụ đi lấy trộm gồm dây ràng, cưa sắt, dao, kéo, kềm, len nhỏ, băng keo.

Do nhiều lần bị S điện thoại, hỏi thúc đi lấy trộm cây mai đã xem của ông N4, nên đến tối ngày 18/9/2023, R thống nhất với S sẽ đi lấy trộm, đồng thời hẹn khi trộm được sẽ điện thoại để S đến chở cây mai đi. R điều khiển xe Sirius màu trắng đen biển số 65K1 - 0673 đến gần vườn mai của ông N4, tìm nơi vắng vẻ, dừng xe lại, thay quần áo, cất giấu xe. Rô đi bộ, tay cầm theo một túi vải bên trong có dây ràng, cưa sắt, dao, kéo, kềm, len nhỏ, băng keo. Rô dùng kềm cắt hàng rào lưới B40 vườn mai của ông N4, đi đến cây mai thứ 3 đã quan sát trước đó, dùng dao, len nhỏ đào đất cho cây mai nghiêng sang 01 bên, dùng cưa cắt các cành cây mai (đo từ thân ra một gang tay), cắt ngọn để thân cây cao còn khoảng 1,6m. Rô đi đến sân trước cửa hàng N5 do anh Nguyễn Thái L4, sinh năm 1988, cư trú ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm chủ lấy trộm 01 xe kéo hai bánh dài 2,65m; ngang 1,2m; cao 80cm đẩy đến vườn ông N4, đặt cây mai lên xe, dùng dao cắt tấm vải, trùm lên trên rồi lấy dây ràng cột liền với cây mai. Rô dùng dây dù cột xe kéo 02 bánh vào xe Sirius màu trắng đen biển số 65K1-0673, điều khiển xe được khoảng 600m thì bị người dân phát hiện truy hô, rượt đuổi nên bỏ xe gần máy, xe lồi, cây mai, túi vải đựng các dụng cụ, nón bảo hiểm, đôi dép, chạy bộ tẩu thoát.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 10 giờ 30 phút ngày 19/9/2023 tại vườn mai kiểng của ông Nguyễn Văn N4 ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang ghi nhận:

Hàng rào lưới B40 mặt hướng Tây đất vườn cao 02 m tại đầu góc hàng rào hướng Bắc là vị trí đối tượng cắt lưới rào B40 để đi vào đất vườn ký hiệu số 1, cách vị trí lưới rào B40 bị cắt ký hiệu số 1 về hướng Nam 05 m là vị trí lưới rào B40 đối tượng tiếp tục cắt để chở cây mai lấy trộm ký hiệu 2. Trên đất vườn ông Nguyễn Văn N4 tại vị trí cách hàng rào lưới B40 hướng Tây 4,5 m và cách tường rào hướng Bắc 7,6 m là vị trí bồn đất trồng 01 cây mai bị đối tượng lấy trộm, xung quanh bồn đất là các cành, nhánh cây mai và một phần thân cây mai bị đối tượng cắt bỏ, một phần thân cây mai bị cắt bỏ có chiều cao 2,8 m, từ vị trí cắt đến đọt cây có bề hoành tại vị trí thân cây bị cắt là 30 cm, bề hoành tại đọt cây là 11 cm, ký hiệu 3.

Phần thân gốc cây mai bị đối tượng lấy trộm không thành có chiều cao 2,2 m, hoành gốc là 80 cm.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 11 giờ 30 phút ngày 19/9/2023 tại đường tỉnh 869 đoạn thuộc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang ghi nhận:

Vị trí ông Huỳnh Thành T7 Em truy đuổi kịp đối tượng bỏ lại xe mô tô hiệu Sirius biển số 65K1-0673 có chở theo cây mai cách lề đường 869 hướng Đông 6,9 m và cách trụ cột bê tông hàng rào thứ nhất (tính từ hướng nam sang hướng bắc) trước nhà ông Trần Thái H3 hướng Đông Bắc 9,3m ký hiệu 1. Tại vị trí trụ cột bê tông hàng rào thứ nhất trước cửa rào nhà ông Trần Thái H3 cách mép đường tỉnh 869 hướng Tây 1,8 m là vị trí đối tượng nhảy qua hàng rào cao 1,3m từ bên ngoài vào đất nhà ông H3 để tẩu thoát khi bị ông Thương E truy đuổi ký hiệu 2.

Trên xe mô tô hiệu Sirius biển số 65K1-0673 mà đối tượng bỏ lại có treo 01 ba lô màu đen chứa dụng cụ dao, cưa, kềm, xẻng xúc đất, đồ đạc và 01 đôi dép quai xỏ ngón màu đen trên quai dép có chữ “PRADA”.

Biên bản xác định hiện trường lúc 09 giờ 10 phút ngày 03/10/2023 tại cửa hàng N5 thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang ghi nhận:

Phần sân trước cửa hàng N5 có chiều dài 3,6 m, chiều rộng 07 m, trên nền sân tại vị trí cách mép đường tỉnh 869 hướng Đ 1,6 m, cách sân hướng Nam 0,7 m là vị trí để xe tự chế có hai bánh, xe không có động cơ bị Nguyễn Văn R lấy trộm ký hiệu 1 (theo lời trình bày và xác định của Nguyễn Văn R).

Kết luận định giá tài sản số 140/KLĐG-TTHS ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

+ Cây mai vàng thân một cốt, cao 06 m, tán dù rộng 06 m, chu vi (hoành) gốc cây mai 90 cm, thân cây đã lên xù trị giá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

+ Xe lôi 02 bánh tự chế kích thước (2,6 x 0,9) m trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)

Kết luận định giá tài sản số 110/KLĐG-TTHS ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

+ Cây mai vàng cao 1,2 m, đường kính sát gốc 122 cm, thân cây có nhiều điểm xù, trên thân cây có nhiều mặt cắt trị giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)

+ Cây mai vàng có chiều cao 2,2 m, hoành gốc 80 cm trị giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Kết luận giám định số 6342/KL-KTHS ngày 05/10/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C1 xác định trên các mẫu vật gửi giám định là 01 áo thun ngắn tay màu đen; 01 quần jeans màu xanh; 01 quần thun màu đen sọc xanh và 01 túi đeo chéo màu đen hiệu Puma phát hiện thấy có AND người. Phân tích được một kiểu gen nam giới, trùng với kiểu gen của đối tượng Nguyễn Văn R sinh năm 1989, thường trú ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Biên bản thực nghiệm điều tra lúc 08 giờ 30 ngày 03/10/2023, Nguyễn Văn R tự thực hiện lại các hành vi để lấy trộm cây mai được trồng trên đất vườn của ông Nguyễn Văn N4.

Quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Văn S không thừa nhận hành vi cùng các đồng phạm thực hiện hành vi *Trộm cắp tài sản* là 02 cây mai kiểng của ông Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn N4, tuy nhiên trên cơ sở lời khai Nguyễn Ngọc L3, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, việc nhận dạng, thực nghiệm điều tra, đồ vật, tài liệu, tài sản thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp căn nhà do S và L3 thuê mướn, cùng các dữ liệu điện tử khác, đủ cơ sở xác định S cùng L3, R, T1, C, T3 thực hiện hành vi trộm cây mai kiểng của ông H2 và S cùng R thực hiện hành vi trộm cắp cây mai kiểng của ông N4.

\* Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Ngọc L3, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3 có thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, và có bà nội Lê Thị B1 là người có công với các mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

+ Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R phạm tội từ 02 lần trở lên. Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

\* Vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ gồm:

- Nguyễn Văn S:

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, lưng điện thoại có chữ Realme, IMEI 1: 869720065350459; IMEI 2: 869720065350442 bên trong có gắn 01 sim điện thoại số 0886.667.168 trên thẻ sim có chữ Vinaphone và dãy số 89840200011219440284, bên ngoài điện thoại có ốp lưng nhựa dẻo trong suốt.

+ 01 điện thoại di động loại bàn phím bấm màu đen, phía trước và lưng điện thoại có chữ Nokia, IMEI 1: 357723105484758; IMEI 2: 357723105484766 bên trong có gắn 02 sim điện thoại số 0983.789.292 trên thẻ

sim có chữ 4G Viettel và dãy số 8984048000067442279; số 0763.302.921 trên thẻ sim có chữ 4G Mobifone và dãy số 8401230292061270.

- Nguyễn Ngọc L3:

+ 01 điện thoại di động loại bàn phím bấm, màu hồng, mặt trước và lưng điện thoại có chữ Nokia, IMEI 1: 357742109888905; IMEI 2: 357743101888901. Bên trong điện thoại có gắn sim số 0944.724.078, trên thẻ sim có chữ Vinaphone và dãy số 89840200010943918011.

+ 01 điện thoại di động loại cảm ứng, màu vàng đồng, mặt lưng điện thoại có chữ Vivo, IMEI 1: 865413034934496; IMEI 2: 865413034934488.

+ Tiền Ngân hàng N6 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Trần Văn H4, sinh năm 1976, cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng: 01 xe ô tô 04 chỗ nhãn hiệu VINFAST, số loại: FADIL A5A2CLFVN, số máy: LV202510017, số khung: RPXCA2FACLV009382, biển số 83A-107.86.

- Khám xét tại nhà trọ số A L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thu giữ: 01 cây mai cao 1,2m; đường kính sát gốc 122cm, thân cây có nhiều điểm xù, trên thân cây có 15 mặt cắt.

- Tống Thị Kim N1, sinh năm 2003, cư trú ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Tạm trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang) là vợ của Nguyễn Văn R:

+ 01 xe gắn máy hai bánh, hiệu Yamaha màu đen, không rõ loại xe biển số 65H1-422.80, số máy 1FC 00 YV-5, không kiểm tra được số khung.

+ 01 áo khoác bằng vải màu đen, tay dài, hoa văn có chữ VL.

+ 01 đèn pin màu xám vàng, trên có chữ 25W.

+ 01 kèm màu xanh đen, trên tay kèm có chữ DRACON.

+ 01 dây cao su màu xanh trắng, có móc bằng kim loại hai đầu.

+ 01 dây cao su màu đỏ, đen, xanh, vàng có móc bằng kim loại hai đầu.

+ 01 dây cao su màu đỏ, đen, vàng có móc bằng kim loại hai đầu.

- Nguyễn Văn R:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số máy: MWLC2LL/A, số sê ri: FFWD22G7N72N; sim số điện thoại 0775.878.665.

+ Xe gắn máy hai bánh hiệu Exciter màu trắng, đỏ biển số 95H1-298.64.

- Tại hiện trường vụ trộm cây mai kiêng của ông Nguyễn Văn N4 thu giữ:

+ Cây mai vàng có chiều cao 2,2m; hoành gốc 80cm.

+ Xe Sirius màu trắng biển số 65K1-0673.

+ 01 xe kéo hai bánh dài 2,65m; ngang 1,2m; cao 80cm.

+ 01 nón bảo hiểm.

+ 01 đôi dép kẹp.

+ 01 áo thun ngắn tay, không cổ, màu đen không rõ nhãn hiệu.

+ 01 quần Jean màu xanh, nhãn hiệu Simmit.

+ 01 quần thun không nhãn hiệu màu đen có ba sọc màu xanh.

- + 01 ba lô màu đen hiệu Nike.
- + 01 túi đeo chéo nhãn hiệu Puma màu đen.
- + 01 áo mưa màu xanh đậm nhãn hiệu DOLPHIN.
- + 03 cọng dây ràng.
- + 01 tấm vải màu đỏ trắng.
- + 01 tấm vải màu xanh nước biển.
- + 01 cây kềm cắt nhãn hiệu Vinatool, cán màu đỏ đen dài 21cm.
- + 01 cưa cây cán màu đen không vỏ nhãn hiệu dài 55cm.
- + 01 con dao bằng sắt mũi nhọn dài 36cm.
- + 01 cái giá đào đất nhỏ cán bằng ống nước dài 41cm.
- + 01 con dao cán bằng cây dài 35cm.

\* Về xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu, tài sản:

- Trao trả 01 xe ô tô 04 chỗ nhãn hiệu VINFAST, số loại: FADIL A5A2CLFVN, số máy: LV202510017, số khung: RPXCA2FACLV009382, biển số 83A-107.86 cho Thạch Ngọc T5, sinh năm 1991, cư trú số C L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Trao trả 01 (Một) cây mai vàng có đặc điểm như sau: thân cây có nhiều điểm xù, trên thân cây có 15 mặt cắt, chiều cao 120cm, chu vi (bề hoành) sát gốc 122cm cho bị hại Nguyễn Văn H2.

- Trao trả 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 2,2m; hoành gốc 80cm cho bị hại Nguyễn Văn N4.

- Trao trả 01 (Một) xe lôi có 02 (hai) bánh tự chế được làm bằng kim loại được thiết kế bằng 02 (hai) bánh xe mô tô cũ, kích thước dài 2,6 m, rộng 90 cm, mặt trên được đóng bằng ván gỗ cho bị hại Nguyễn Thái L4.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn H2 yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường số tiền thiệt hại là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), các bị cáo T1, R, T3 và L3 đồng ý theo yêu cầu bồi thường của ông H2, riêng Nguyễn Văn S, Bùi Vĩnh C không đồng ý bồi thường.

Bị hại Nguyễn Văn N4 yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường số tiền thiệt hại là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn R đồng ý theo yêu cầu bồi thường của ông N4 nhưng chưa bồi thường, riêng S không đồng ý bồi thường.

Bị hại Nguyễn Thái L4 không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSTG-P2 ngày 24 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Văn Rô, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Ngọc L3 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Ngọc L3 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 19 (Mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn R 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 56 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Bùi Vĩnh C 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 14 năm tù, tổng hợp hình phạt tại bản án số: 45/2023/HSPT ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng với hình phạt 02 năm tù; bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T3 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2023

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023

*Về Trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Ngọc L3 liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); bị cáo L3 đã thi hành được số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo C đã thi hành được số tiền 20.000.000 đồng nên cần trừ cho bị cáo L3 và bị cáo C. Số tiền còn lại có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông H2 là 1.475.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N4 số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Các bị cáo S, R, C, T1, T3, L3 còn có chịu nghĩa vụ chậm trả, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 31/7/2024, bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo kêu oan, bị cáo không *Trộm cắp tài sản* của các bị hại như bản án sơ thẩm quy kết.

Ngày 01/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn R kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Ngọc L3 kháng cáo kêu oan. Lý do kêu oan của bị cáo L3: tại

phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn R khai bị cáo L3 không tham gia bàn bạc hay lên kế hoạch gì với các bị cáo khác. Quá trình ngồi trên xe xem cây thì bị cáo L3 chỉ ngồi trên xe và ngủ, bị cáo R không khẳng định được bị cáo L3 có nghe cuộc nói chuyện giữa R, T1 và S, bị cáo chỉ vô tình đi theo chơi, không tham gia. Việc gia đình nộp 5.000.000 đồng để thay bị cáo khắc phục hậu quả vì muốn có tình tiết giảm nhẹ, bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng.

Ngày 03/8/2024, bị cáo Bùi Vĩnh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Các bị cáo Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3 và Bùi Vĩnh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải và các bị cáo đã tác động với gia đình để khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Các bị cáo trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên đã chấp nhận cùng đi cắt trộm cây mai của bị hại nhưng không biết được giá trị tài sản bị trộm, thực tế số tiền các bị cáo được chia không lớn, nếu biết giá trị các cây mai cao như vậy thì không dám thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 thay đổi yêu cầu kháng cáo kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhìn nhận do không am hiểu pháp luật, chỉ nghĩ việc đi theo bị cáo S để S không buồn ngủ khi lái xe và không tham gia bàn bạc gì với các bị cáo về việc lấy trộm cây mai của bị hại Nguyễn Văn H2 là không phạm tội. Nay bị cáo đã nhận thức được hành vi như quy kết của các cơ quan tố tụng nên chỉ xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có tác động gia đình giúp khắc phục hậu quả thêm cho ông H2 với số tiền 95.000.000 đồng và đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo Nguyễn Văn S thay đổi kháng cáo kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin xem xét hoàn cảnh gia đình còn mẹ già, con nhỏ, bị cáo có yêu cầu gia đình hỗ trợ tiền để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại Nguyễn Văn H2 nên xin khoan hồng cho bị cáo.

Ông Nguyễn Văn H2 trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo do xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã đến gặp và gửi tiền giúp các bị cáo bồi thường một phần thiệt hại cho ông. Về phần trách nhiệm dân sự, ông chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị cây mai là 1.000.000.000 đồng, hiện ông đã nhận được một số tiền do gia đình các bị cáo giao, phần còn lại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Ông Nguyễn Văn N4 cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn R do đã tác động gia đình bồi thường cho ông được 20.000.000 đồng. Xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, ông tự nguyện giảm số tiền mà các bị cáo phải bồi thường còn 300.000.000 đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo S và R liên đới bồi thường đủ số tiền này cho ông.

Ông Nguyễn Văn H1 là cha của bị cáo Nguyễn Ngọc L3 cũng giao cho ông H2 thêm 15.000.000 đồng ngay tại phiên tòa phúc thẩm để hỗ trợ bị cáo bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định, các chứng cứ được thu thập hợp pháp và đầy đủ. Việc định tội danh và định khung hình phạt đối với các bị cáo như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng đặc điểm về nhân thân để lượng hình đối với các bị cáo.

Về yêu cầu kháng cáo: các bị cáo Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C đều xin giảm nhẹ hình phạt; hai bị cáo có kháng cáo kêu oan là Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc L3 đều đã thay đổi kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt, không còn kêu oan là có chuyển biến về nhận thức. Các bị cáo cũng được gia đình hỗ trợ tiền bồi thường cho người bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời các bị hại cùng xác định giảm số tiền bồi thường nên được xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ mới là khắc phục một phần hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ; riêng Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc L3 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do chung sống như vợ chồng cùng với bị cáo S nên hành vi của bị cáo L3 có phần phụ thuộc, vai trò của bị cáo trong vụ án không đáng kể nên cần xem xét thêm cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn N4 về việc giảm số tiền mà các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo thống nhất về tội danh và điều khoản đã xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt do có tình tiết mới đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo S và L3 đã thành khẩn nhận tội, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, không còn kêu oan nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết thành khẩn khai báo để giảm nhẹ cho hai bị cáo này và ghi nhận sự tự nguyện của hai bị hại H2, N4 về việc giảm tiền bồi thường.

*Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo đã ăn năn hối cải, gửi lời xin lỗi và cảm ơn các bị hại đã xem xét giảm mức bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình và có cơ hội tiếp tục bồi thường cho bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức:

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Các bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng một số người tham gia tố tụng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 291 và Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác với tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết quả giám định có cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 04/6/2023, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T3 và Bùi Vĩnh C đã tiến hành đào trộm 01 cây mai tại nhà ông Nguyễn Văn H2 huyện C, tỉnh Tiền Giang ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, sau đó di chuyển cây mai đến đường dưới cầu vượt cao tốc gần đường dân sinh của Quốc lộ A, đoạn gần cầu M, huyện C, tỉnh Tiền Giang để đưa cho bị cáo S là người trực tiếp lái xe ô tô biển kiểm soát 83A-107.86 chở cây mai đi như đã giao hẹn địa điểm từ trước. Đi cùng xe của S là Nguyễn Ngọc L3. Kết hợp với kết quả khám xét nơi ở của S và Lam ngày 03/10/2023 tại nhà số A L, Khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã phát hiện 01 cây mai xù được trồng trong chậu. Qua nhận dạng của ông H2 đây chính là cây mai nhà ông bị mất trộm ngày 05/6/2023. Đồng thời, theo lời khai của bị cáo L3, đây chính là cây mai mà cả bọn trộm tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, theo kết quả trích xuất dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình đối với xe ô tô nêu trên ghi nhận: từ 13 giờ 47 phút đến 15 giờ 13 phút ngày 04/6/2023 và từ 23 giờ 47 phút ngày 04/6/2023 đến 01 giờ 35 phút ngày 05/6/2023 xe này lưu thông trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối chiếu với lời khai của bị cáo R, T1, C thể hiện chính bị cáo S là người đề xuất việc trộm mai, chở cả nhóm đi khảo sát và chỉ điểm cây mai cần lấy trộm, hẹn địa điểm để chở cây. Như vậy, với trường hợp trộm cây mai của ông H2, đã đủ các chứng cứ để quy kết hành vi của các bị cáo như án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với trường hợp đào trộm mai tại vườn mai của ông Nguyễn Văn N4 ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Nguyễn Văn R thực hiện theo yêu cầu và chỉ điểm của Nguyễn Văn S vào tối ngày 18/9/2023, sau khi trộm mai và trên đường đưa đến nơi cất giấu, R đã bị người dân phát hiện truy đuổi nên chạy bộ tẩu thoát. Các vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 xe kéo hai bánh của ông Nguyễn Thái L4 – chủ tiệm nhôm kính Thái L4 ở gần nhà ông N4 cùng với xe gắn máy biển kiểm soát 65K-0673 của R sử dụng, túi vải đựng các dụng cụ dùng vào việc trộm cây, nón bảo hiểm, đôi dép và cây mai đã bị đào trộm của ông N4... Cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo R và S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp trộm mai của ông N4 là đúng người, đúng tội.

Tại các giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm, bị cáo S và L3 không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, với diễn biến sự việc như nêu trên và lời khai của những bị cáo còn lại cũng như các chứng cứ đã thu thập được đủ cơ sở kết tội

đối với các bị cáo. Án sơ thẩm xác định đây là vụ án phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, trong đó bị cáo S là chủ mưu, cầm đầu, các bị cáo R, T3, Châu T8 có vai trò là người thực hành và bị cáo L3 có vai trò giúp sức là đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo. Với giá trị chiếm đoạt đã được định giá, việc xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, không oan sai.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo kêu oan, cho rằng bản thân không liên quan đến việc trộm cắp tài sản của các bị hại. Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 cũng không thừa nhận hành vi phạm tội với lý do bị cáo có đi cùng xe với S nhưng chỉ đi chơi, không nghe thấy nội dung bàn bạc của S với các bị cáo khác. Riêng các bị cáo còn lại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo S và L3 đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, thừa nhận hành vi đã thực hiện và xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N4 xác định sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã thay mặt các bị cáo bồi thường một khoản tiền cho 02 ông và cũng xin giảm mức bồi thường đối với các bị cáo; đồng thời các bị hại có mặt cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đều đã thành khẩn nhận tội và hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn.

Xét, quá trình tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định và chứng cứ đã thu thập đủ cơ sở để kết tội các bị cáo như đã nhận định ở phần trên; án sơ thẩm cũng đã phân tích, đánh giá khách quan về vai trò của từng bị cáo, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo được ghi nhận thêm tình tiết giảm nhẹ mới là khắc phục một phần hậu quả, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Ngọc L3 đã thừa nhận hành vi phạm tội và thể hiện sự ăn năn hối cải nên được áp dụng thêm tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét vai trò thực hiện hành vi và quá trình hưởng lợi thì bị cáo Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Ngọc L3 có mức độ tham gia hạn chế hơn bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R nên cần xem xét cho bị cáo T3, bị cáo L3 được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt; bị cáo T1, bị cáo C hưởng mức án ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 đang chấp hành bản án Hình sự phúc thẩm số 54/2023/HSPT ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H2 đã giảm tiền bồi thường thiệt hại còn 1.000.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn N4 đã giảm tiền bồi thường thiệt hại còn 300.000.000 đồng. Phần bị cáo Nguyễn Văn S đã bồi thường 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn R bồi thường 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn T1 đã bồi thường 50.000.000 đồng; Bùi Vĩnh C đã bồi

thường 40.000.000 đồng; Nguyễn Văn T3 đã bồi thường 70.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc L3 đã bồi thường tổng cộng 115.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H2 trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm được khấu trừ, phần còn lại 685.000.000 đồng các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường cho ông H2. Đối với bị hại Nguyễn Văn N4 đã được bị cáo Nguyễn Văn R bồi thường 20.000.000 đồng, được khấu trừ còn 280.000.000 đồng cần buộc bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R tiếp tục liên đới bồi thường. Việc liên đới bồi thường của các bị cáo phải được tính toán dựa trên cơ sở khấu trừ số tiền đã bồi thường đối với từng bị cáo.

Các ý kiến bào chữa của Luật sư cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và ghi nhận sự tự nguyện của các bị hại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử xét nên có cơ sở để chấp nhận.

Do ghi nhận sự tự nguyện của các bị hại về việc giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường dân sự nên án phí dân sự sơ thẩm được tính toán lại như sau:

Đối với trách nhiệm bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H2, các bị cáo S, R, C, T3, T1, L3 có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí tương ứng:  $36.000.000 \text{ đồng} + (1.000.000.000 - 800.000.000) \times 5\% = 46.000.000 \text{ đồng}$ ;

Đối với trách nhiệm bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N4, các bị cáo S, R có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí tương ứng:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$ .

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c và d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc L3 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn S **17 (mười bảy)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn R **13 (mười ba)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 03/10/2023.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T1 **12 (mười hai)** năm tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 45/2023/HSPT ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Bùi Vĩnh C **12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T3 **10 (mười)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2023.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 **08 (tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Ngọc L3 liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn H2 1.000.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền bị cáo S đã bồi thường 20.000.000 đồng; R đã bồi thường 20.000.000 đồng; T1 đã bồi thường 50.000.000 đồng; C đã bồi thường 40.000.000 đồng; T3 đã bồi thường 70.000.000 đồng và L3 đã bồi thường tổng cộng 115.000.000 đồng (trong đó có 95.000.000 đồng ông Nguyễn Văn H1 đã nộp theo Biên lai thu số 0000077 ngày 21/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang) cho ông Nguyễn Văn H2. Số tiền còn lại buộc các bị cáo trên phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2 là **685.000.000** đồng.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N4 300.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền bị cáo R đã bồi thường 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại buộc các bị cáo S, R phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn N4 là **280.000.000** đồng.

*Việc liên đới bồi thường của các bị cáo phải được tính toán dựa trên cơ sở khấu trừ số tiền đã bồi thường đối với từng bị cáo.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Ngọc L3 liên đới chịu 46.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R liên đới chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (7);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (1);
- Công an tỉnh Tiền Giang (1);
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Tiền Giang (6);
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Hậu Giang (2);
- Người tham gia tố tụng (2)
- Lưu VP(3), HS(2). 30b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**